TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1024/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 11 - 2022.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại Phòng xử án Hôn nhân gia đình và người chưa thành niên thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 544/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 491/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 412/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm: 1986.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: C11/23/10 đường V, tổ 10-11 ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1983.(vắng mặt)

Nơi cư trú: C11/23/10 đường V, tổ 10-11 ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại các phiên hòa giải nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Quốc T chung sống với nhau vào năm 2011, không tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 29/06/2011. Hai bên chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng

thường xuyên cãi nhau, có đánh nhau, ông T hay ghen tuông. Bà T và ông T ly thân nhau khoảng nửa năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Bà T khai bà và ông T có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Dương Vân N (nữ) sinh ngày 11/11/2013 và Nguyễn Quốc Hoàng T (nam) sinh ngày 16/02/2019. Hiện các con chung đang sống với Bà T. Sau khi ly hôn, Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Dương Thị T nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Quốc T tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Quốc T hiện đang cư trú tại C11/23/10 đường V, tổ 10-11 ấp 3, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông Nguyễn Quốc T đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt; Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, Bà T theo quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của Bà T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 29/06/2011 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị T và

ông Nguyễn Quốc T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của Bà T hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của Bà T thì quan hệ vợ chồng của Bà T và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, nguyên nhân không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có bạo hành gia đình, ông T không chăm sóc vợ con. Do vợ chồng không còn tiếng nói chung nên Bà T và ông T đã sống ly thân hơn nửa năm nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà T và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh xác nhận: "Trong thời gian chung sống giữa ông Nguyễn Quốc T và bà Dương Thị T có mâu thuẫn với nhau (tranh cải, đánh nhau); hiện tại bà Dương Thị T không còn sống tại địa chỉ C11/23/10 tổ 10-11 ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (về quê). Giữa ông Nguyễn Quốc T và bà Dương Thị T có 02 còn chung (01 trai, 01 gái), con gái theo bà Dương Thị T về quê, con trai hiện đang sống cùng với ông Nguyễn Quốc T tại địa chỉ C11/23/10 tổ 10-11 ấp 3, xã Vĩnh Lộc B".

Tại kết quả xác minh nơi cư trú ngày 19/9/2022 của Công an xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh xác nhận ông T đang thực tế sinh sống tại địa chỉ C11/23/10 tổ 11, ấp 3, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mặt khác, do ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông T không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà T đối với ông T.

[4] Về con chung: Bà Dương Thị T xác nhận bà và ông T chung sống với nhau có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Dương Vân N (nữ) sinh ngày 11/11/2013 và Nguyễn Quốc Hoàng T (nam) sinh ngày 16/02/2019. Sau khi ly hôn, Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung.

Xét, Bà T và ông T không có tranh chấp về quyền nuôi con, Bà T xác nhận hiện các con chung đang sống chung với bà cũng như căn cứ vào Công văn trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/9/2022 thì hiện nay con chung đang sống với Bà T. Đồng thời, đồng thời ý kiến của trẻ Nguyễn Dương Vân N (nữ) sinh ngày 11/11/2013 nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì trẻ Nguyễn Dương Vân N muốn sống với mẹ.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con

cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Dương Vân N (nữ) sinh ngày 11/11/2013 và Nguyễn Quốc Hoàng T (nam) sinh ngày 16/02/2019 cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Mặt khác Bà T có yêu cầu không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của Bà T, nếu sau này các đương sự có tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Do Bà T khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Do Bà T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị T đối với ông Nguyễn Quốc T.

Bà Dương Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T. Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 29/06/2011 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Dương Vân N (nữ) sinh ngày 11/11/2013 và Nguyễn Quốc Hoàng T (nam) sinh ngày 16/02/2019 cho Bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với ông T cho đến khi Bà T có yêu cầu.

Ông Nguyễn Quốc T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho ông T, Bà T bằng một vụ án khác nếu ông bà có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Dương Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0041145 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM (1);
- VKSND H.BC (2);
- Chi cục THADS.HBC (1);
- Các đương sự (4);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Sơn